

Số: /2024/QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất, đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức tỷ lệ phần trăm để xác định đơn giá thuê đất, đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5900/TTr-STC ngày 19/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để xác định đơn giá thuê đất, đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Long An như sau:

1. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất:

TT	Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất một năm	Đối tượng được áp dụng
a	0,5% giá đất tính tiền thuê đất	Dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư; địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành
b	2% giá đất tính tiền thuê đất	Dự án đầu tư không thuộc điểm a nhưng đầu tư trên địa bàn các phường của thành phố Tân An và các thị trấn của các huyện
c	1% giá đất tính tiền thuê đất	Dự án đầu tư không thuộc điểm a, điểm b

2. Đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo

quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai, được tính như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính theo mức bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính theo mức bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất đó thì đơn giá thuê đất của phần diện tích vượt này được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính theo mức bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giả định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, theo dõi thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/12/2024 và thay thế Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Các trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất kể từ ngày 01/8/2024 được thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ và Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và MT;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Phòng: THKSTTHC, KTTC;
- Ban Nội chính – Tiếp công dân;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Nguyên.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**